

Số: /BC-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện việc đổi mới chương trình,
sách giáo khoa giáo dục phổ thông

Thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tại Tờ trình số 4483/TTr-SGDĐT ngày 04/11/2024,

UBND tỉnh Bình Phước báo cáo kết quả thực hiện việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (CT, SGK GDPT) như sau:

Phần thứ nhất
KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. Khái quát chung về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội tác động đến việc thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT

1. Về điều kiện tự nhiên

Bình Phước là tỉnh miền núi, biên giới, thuộc vùng Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Diện tích tự nhiên 6.873,55 km², có 258,939 km đường biên giới giáp Vương quốc Campuchia. Bình Phước có khí hậu cận xích đạo gió mùa, có nền nhiệt độ cao, ổn định, nóng quanh năm, ít bị thiên tai và phân thành 02 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nhất là ngành trồng cây công nghiệp lâu năm; đồng thời thuận lợi trong việc xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, giao thông đi lại, phát triển GD&ĐT. Tuy nhiên, do mùa khô kéo dài nên nhiều khi gây thiếu nước cho sản xuất, sinh hoạt; còn mùa mưa gây ảnh hưởng tới các khu vực vùng núi, vùng sâu, vùng xa có địa hình đồi núi hiểm trở, giao thông chưa phát triển, gây khó khăn hơn cho việc đến trường của học sinh.

2. Tình hình kinh tế - xã hội

Bình Phước có dân số 1.045,5 nghìn người¹ với 41 dân tộc khác nhau (đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 19,67%)² sinh sống trên địa bàn 111 xã, phường, thị trấn thuộc 07 huyện, 03 thị xã và 01 thành phố.

¹ Số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2023.

² Theo Báo cáo số 131/BC-BDT ngày 02/8/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước.

Trải qua gần 27 năm xây dựng và phát triển, vượt qua nhiều khó khăn, tỉnh Bình Phước đã có sự phát triển vượt bậc, đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực: cơ sở hạ tầng giao thông, điện, nước có nhiều thay đổi tích cực; thu ngân sách và thu nhập bình quân đầu người có sự gia tăng đáng kể, đời sống nhân dân được cải thiện; y tế có nhiều tiến bộ, luôn chủ động, quyết liệt thực hiện các giải pháp kiểm soát dịch bệnh; GD&ĐT phát triển mạnh mẽ, trình độ dân trí được nâng cao; đời sống văn hóa tinh thần phát triển tương ứng với sự cải thiện đời sống vật chất của nhân dân; công tác chăm lo cho đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm³.

Tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) như trên đã góp phần tác động tích cực đến sự phát triển GD&ĐT, trong đó có việc triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những khó khăn, như: kinh tế còn gặp nhiều khó khăn do giá cả, thị trường xuất khẩu nông sản nhiều biến động; nguồn kinh phí ngân sách còn hạn chế; tỉnh còn nhiều xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn KT-XH kém phát triển, đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT.

3. Khái quát về tình hình GDPT của tỉnh

Tính đến đầu năm học 2024-2025, trên địa bàn tỉnh Bình Phước:

- Khối phổ thông:

Bậc học	Số trường	Số lớp	Số học sinh	Học sinh DTTS	Số CBQL	Số GV	Số NV
Tiểu học	122	3.365	103.726	21.332	326	4.710	327
THCS (*)	108	1.889	73.496	12.518	269	3.542	362
THPT (**)	37	893	35.156	3.905	118	2.026	196
Tổng cộng	267	6.147	212.378	37.755	713	10.278	885

Ghi chú:

(*) Số cơ sở giáo dục có cấp THCS gồm 43 trường TH&THCS và 65 trường THCS.

(**) Số cơ sở giáo dục có cấp THPT gồm 10 trường THCS&THPT và 27 trường THPT.

Số liệu CBQL, GV, NV tính đến tháng 6/2024; số lượng GV, NV nêu ở trên chưa tính 1.987 lao động hợp đồng.

- Khối giáo dục thường xuyên (GDTX): Có 01 trung tâm GDTX tỉnh và 08 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp (GDNN), GDTX các huyện, thị xã với tổng số 103

³ Theo Tài liệu tuyên truyền kỷ niệm 25 năm Ngày tái lập tỉnh Bình Phước của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy năm 2021 và báo cáo của Chi cục Thống kê tỉnh Bình Phước năm 2023, 2024.

lớp học văn hóa, 3.942 học viên cấp THPT, 15 CBQL, 111 giáo viên và 37 nhân viên.

- Tại Trường Cao đẳng Bình Phước: Hiện nay đang hợp đồng với Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Chơn Thành để dạy các môn văn hóa cho học sinh có nhu cầu. Có 40 giáo viên tham gia giảng dạy 16 lớp, 625 học sinh (*gồm 06 lớp 10; 06 lớp 11 và 04 lớp 12*).

- Tính đến tháng 6/2024, toàn tỉnh có 122/267 trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (TH, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 45,7%⁴. Cơ sở vật chất trường, lớp học cùng đội ngũ CBQL, GV, nhân viên cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy, học, trong đó có việc triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT.

- Toàn ngành GD&ĐT đã và đang tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT. Trong các năm học vừa qua chất lượng giáo dục luôn được duy trì và nâng cao thể hiện qua chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng giáo dục mũi nhọn⁵. Một trong những quan điểm xây dựng Chương trình GDPT 2018⁶ là kế thừa và phát triển những ưu điểm của các chương trình GDPT đã có; do vậy những kết quả đã đạt được sẽ giúp các cơ sở giáo dục tận dụng nhiều kinh nghiệm để triển khai hiệu quả việc đổi mới CT, SGK GDPT.

- Việc thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT đã và đang được triển khai đúng theo lộ trình quy định theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT: từ năm học 2020-2021 thực hiện đổi mới với lớp 1; từ năm học 2021-2022 thực hiện đổi mới với lớp 2, lớp 6; từ năm học 2022-2023 thực hiện đổi mới với lớp 3, lớp 7, lớp 10; từ năm học 2023-2024 thực hiện đổi mới với lớp 4, lớp 8, lớp 11 và từ năm học 2024-2025 đang thực hiện đổi mới với lớp 5, lớp 9, lớp 12.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ ĐẢM BẢO CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CT, SGK GDPT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

⁴ Số liệu theo Báo cáo số 2920/BC-SGD&ĐT ngày 22/7/2024 của Sở GD&ĐT.

⁵ Chất lượng giáo dục đại trà: tỷ lệ HS thi đậu tốt nghiệp THPT năm 2020 đạt 98,85%, năm 2021 đạt 98,43%, năm 2022 đạt 97,07%, năm 2023 đạt 98,58%, năm 2024 đạt 99,21%. Chất lượng giáo dục mũi nhọn: số HS đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia: năm 2020 đạt 47 giải, năm 2021 đạt 54 giải, năm 2022 đạt 46 giải, năm 2023 đạt 48 giải, năm 2024 đạt 62 giải. Năm 2022, Bình Phước có 2 học sinh tham gia Kỳ thi Olympic quốc tế và mang về 3 huy chương (01 học sinh đạt huy chương Đồng Olympic Sinh học quốc tế; 01 học sinh đạt huy chương bạc Olympic Tin học châu Á và huy chương Bạc Olympic Tin học quốc tế).

⁶ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2022/TT-BGD&ĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

I. Việc xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản chỉ đạo và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoàn thiện cơ chế, chính sách góp phần thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT

1. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT

Thực hiện nhiệm vụ của UBND các cấp được phân công tại Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới CT, SGK GDPT và Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; theo hướng dẫn tại Công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 21/11/2019 về việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT và Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới CT, SGK GDPT trên địa bàn tỉnh⁷ để triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; ban hành Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 02/7/2020 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 18/3/2024 về tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong Kế hoạch số 258/KH-UBND, UBND tỉnh đã giao Sở GD&ĐT chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện. Theo đó, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới CT, SGK GDPT và Kế hoạch thực hiện Chương trình GDPT 2018 trên địa bàn. Sở GD&ĐT đã ban hành Kế hoạch thực hiện, hướng dẫn các Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình GDPT 2018 tại đơn vị.

2. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo trong quá trình thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT và tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên

⁷ Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tỉnh Bình Phước; Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 20/11/2019, Quyết định số 2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 và Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tỉnh Bình Phước.

quan đến hoàn thiện cơ chế, chính sách góp phần thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT

Việc ban hành các văn bản chỉ đạo: Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo Sở GD&ĐT và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung liên quan đến đổi mới CT, SGK GDPT (từ năm 2019 đến nay khoảng hơn 107 văn bản).

Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật: UBND tỉnh đã ban hành hoặc tham mưu HĐND tỉnh ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật (14 văn bản) liên quan đến mức chi kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên; mức chi kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi; Tiêu chí, nội dung, mức chi lựa chọn sách giáo khoa; Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh và các văn bản liên quan chế độ, chính sách cho CBQL, GV, HS...

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của của Bộ GD&ĐT và UBND tỉnh; Sở GD&ĐT đã ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT và công tác chuẩn bị các điều kiện cho việc triển khai thực hiện.

Các văn bản trên đã góp phần giúp các cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK đúng theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, đồng thời thuận lợi hơn trong triển khai các nhiệm vụ liên quan đến việc đảm bảo các điều kiện, thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT (*tham mưu đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất nhà trường; mua sắm trang thiết bị dạy học; tổ chức lựa chọn SGK; tham mưu sắp xếp, bố trí, tuyển dụng đội ngũ...*).

II. Công tác truyền thông về đổi mới CT, SGK GDPT

1. Tình hình thực hiện tại các cơ quan, đơn vị truyền thông trong tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 21/11/2019, Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 18/3/2024 của UBND tỉnh; các cơ quan, đơn vị truyền thông đã phối hợp với Sở GD&ĐT thực hiện tốt công tác truyền thông về đổi mới CT, SGK GDPT, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, cụ thể: (1) Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai công tác định hướng, chỉ đạo các cơ quan báo chí, các đơn vị hoạt động truyền thông trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về đổi mới CT, SGK GDPT; (2) Đài PT-TH&BBP luôn chú trọng đẩy mạnh công tác chỉ đạo, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cộng đồng và gia đình về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của việc thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT; đưa tin biểu dương kịp thời những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong việc triển khai thực hiện CT GDPT.

Việc tuyên truyền tập trung vào các nội dung như: đổi mới căn bản, toàn diện GDPT; biên soạn tài liệu giáo dục địa phương; lựa chọn sách giáo khoa; việc chuẩn bị đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở GDPT để thực hiện CT,

SKG mới; việc chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ sở GDPT trong triển khai thực hiện CT, SGK mới; kết quả đánh giá về CT, SGK GDPT, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc đối với giáo viên và học sinh trong quá trình triển khai thực hiện; công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương; Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh; hoạt động của ngành giáo dục, chương trình dạy và học thích ứng trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong năm 2020, 2021; các thông tin liên quan đến kỳ thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đại học, tuyển sinh lớp 10; việc dạy và học ngoại ngữ; bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học mới...

Hình thức tuyên truyền: lồng ghép trong các chương trình, chuyên mục, các bản tin thời sự hằng ngày trên 4 loại hình báo chí, cụ thể: phát sóng trên sóng phát thanh, truyền hình 390 tin, bài; đăng tải trên báo in, báo điện tử 184 bài; các tin bài còn được đăng, phát lại trên website và các hạ tầng số của Đài PT-TH&BBP⁸.

2. Tình hình thực hiện của Sở GD&ĐT

Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc tổ chức cho toàn thể CBQL, GV nghiên cứu, thảo luận các văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Bộ GD&ĐT về đổi mới CT, SGK GDPT; phối hợp với chính quyền địa phương tích cực truyền thông tới cha mẹ học sinh và xã hội; tổ chức các Hội nghị truyền thông, hướng dẫn triển khai thực hiện; hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GDPT 2018, trong đó có nội dung về công tác truyền thông; ban hành văn bản chỉ đạo các cơ sở giáo dục hàng năm tích cực thực hiện công tác truyền thông về đổi mới CT, SGK GDPT⁹.

Công tác truyền thông về đổi mới CT, SGK được các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thực hiện bằng nhiều hình thức, như: tuyên truyền trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm, cuộc họp với cha mẹ học sinh, các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm, tổ chức các hội nghị truyền thông... Các hình thức này khá hiệu quả, góp phần giúp cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh hiểu rõ những định hướng, quan điểm, mục tiêu... của việc đổi mới CT, SGK GDPT để triển khai thực hiện theo đúng lộ trình quy định.

Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT, Sở GD&ĐT luôn chú trọng tiếp nhận ý kiến, đóng góp của dư luận xã hội, của cán bộ quản lý, giáo viên..., nhất là trong các đợt bồi dưỡng, tập huấn; hội nghị sơ kết,

⁸ Báo cáo số 154/BC-PTTH&BBP ngày 03/11/2022 và Báo cáo số 171/BC-PTTH&BBP ngày 13/9/2024 của Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước.

⁹ Công văn số 1344/SGDĐT-GDTrH ngày 21/5/2020 và Công văn số 403/SGDĐT-GDTrH ngày 21/02/2023 của Sở GD&ĐT.

tổng kết nhiệm vụ năm học; kiểm tra chuyên môn để có sự điều chỉnh trong hướng dẫn triển khai thực hiện hoặc kiến nghị Bộ GD&ĐT hướng dẫn thực hiện.

III. Việc đảm bảo về đội ngũ nhà giáo thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT

1. Số lượng, cơ cấu (thừa, thiếu, dự báo nhu cầu...)

a) Công tác rà soát thực trạng đội ngũ

Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19/NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Để chuẩn bị đội ngũ CBQL, GV, NV phục vụ cho việc đổi mới CT, SGK theo lộ trình quy định (bắt đầu từ năm học 2020-2021); năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra kết quả thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy và biên chế viên chức sự nghiệp GD&ĐT. Sau khi có kết quả kiểm tra, UBND tỉnh đã ban hành Công văn chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy và biên chế viên chức sự nghiệp GD&ĐT.

Hàng năm, Sở GD&ĐT đã tổ chức rà soát lại toàn bộ đội ngũ CBQL, GV, NV tại các cơ sở giáo dục trực thuộc để có kế hoạch phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh sắp xếp, bố trí, tuyển dụng và ban hành quyết định giao biên chế cho các cơ sở giáo dục; Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức rà soát lại toàn bộ đội ngũ CBQL, GV, NV tại các cơ sở giáo dục cấp TH, THCS trên địa bàn để có kế hoạch phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu UBND cấp huyện sắp xếp, bố trí, tuyển dụng và ban hành quyết định giao biên chế cho các cơ sở giáo dục.

b) Kết quả rà soát thực trạng đội ngũ

Để đảm bảo đội ngũ nhà giáo phục vụ Chương trình GDPT 2018, kết quả rà soát cho thấy hàng năm trên địa bàn tỉnh còn thiếu khá nhiều biên chế CBQL, GV, NV, cụ thể:

- Năm học 2021-2022: Thiếu 490 biên chế (TH 317, THCS 70, THPT 103).
- Năm học 2022-2023: Thiếu 849 biên chế (TH 458, THCS 239, THPT 152).
- Năm học 2023-2024: Thiếu 1.317 biên chế (TH 545, THCS 588, THPT 184).
- Năm học 2024-2025: Thiếu 1.691 biên chế (TH 921, THCS 527, THPT 243).

Dự báo năm 2025 thiếu 1.941 biên chế (*1.691 biên chế thiếu của năm học 2024-2025 và 250 biên chế dự kiến cắt giảm 2,5% theo lộ trình*).

Vấn đề thiếu giáo viên chủ yếu là ở môn Tiếng Anh, Tin học ở cấp tiểu học; giáo viên có thể dạy các phân môn của môn tích hợp ở cấp THCS (môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí) và giáo viên dạy môn Mĩ thuật, Âm nhạc cấp THPT.

c) Giải pháp đã thực hiện

- Chú trọng thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên, hợp đồng lao động: Từ năm 2019 đến năm 2023, các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tuyển dụng được 668 giáo viên (năm 2019, 2020 tuyển dụng được 120 giáo viên; năm 2021 tuyển dụng được 75 giáo viên; năm 2022 tuyển dụng được 356 giáo viên; năm 2023 tuyển dụng được 117 giáo viên) và hiện nay đang hợp đồng 440 giáo viên.

- Thực hiện các giải pháp bố trí giáo viên dạy các môn học, hoạt động giáo dục (đặc biệt là các môn học mới, môn học tích hợp...): UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương chủ động trong công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học từ năm học 2022 - 2023 và giáo viên giảng dạy Chương trình GDPT 2018¹⁰. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT đã ban hành các văn bản¹¹ hướng dẫn các Phòng GD&ĐT, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện một số nhiệm vụ sau:

+ Khẩn trương tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng và ưu tiên bổ sung đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học năm học 2022-2023. Trong thời gian chờ tổ chức tuyển dụng, tạm thời thực hiện hợp đồng giáo viên để kịp thời phục vụ năm học mới theo hướng dẫn tại Công văn số 3711/UBND-NC ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh và Công văn số 2086/SGDĐT-VP ngày 29/7/2022 của Sở GD&ĐT.

+ Thực hiện các phương án tổ chức dạy học linh hoạt, hiệu quả, bảo đảm chất lượng dạy học theo yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với điều kiện cụ thể tại các cơ sở giáo dục theo văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, bảo đảm 100% học sinh tiểu học được học môn Tiếng Anh, Tin học theo quy định của Chương trình GDPT 2018.

+ Đối với các cơ sở giáo dục gặp khó khăn trong việc bố trí giáo viên Tiếng Anh, Tin học thì thực hiện phương án bố trí giáo viên dạy liên trường, dạy tại nhiều điểm trường cùng cấp và liên cấp (bố trí giáo viên cấp THCS dạy cấp tiểu

¹⁰ Công văn số 3711/UBND-NC ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện giải pháp biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế; Công văn số 1065/UBND-KGVX ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới; Công văn số 710/UBND-KGVX ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học năm học 2022-2023 và giáo viên giảng dạy Chương trình GDPT năm 2018.

¹¹ Công văn số 1060/SGDĐT-THMN ngày 27/4/2022 của Sở GD&ĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 2086/SGDĐT-VP ngày 29/7/2022 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện chế độ thỉnh giảng đối với giáo viên Tiếng Anh, Tin học dạy tiểu học; Công văn số 2960/SGDĐT-VP ngày 03/10/2022 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện quản lý, sử dụng biên chế năm học 2022-2023.

học) theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo cho các cơ sở giáo dục phối hợp với các trường THPT, THCS&THPT trên địa bàn để thực hiện hợp đồng thỉnh giảng giáo viên theo quy định.

+ Xây dựng phương án dạy học trực tiếp kết hợp với trực tuyến khi đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị, đường truyền và có giáo viên trợ giảng, phụ trách lớp học tại các điểm cầu nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả trong công tác giảng dạy.

+ Đối với đội ngũ giáo viên Âm nhạc, Mỹ thuật dạy THPT, Sở GD&ĐT đã giao cho thủ trưởng các đơn vị chủ động hợp đồng thỉnh giảng để giảng dạy tại các đơn vị.

- Sở GD&ĐT đã phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT đề trình cấp có thẩm quyền bổ sung đối với số biên chế còn thiếu¹².

2. Về chất lượng (chuẩn trình độ, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT)

a) Về chuẩn trình độ của giáo viên

- Thực trạng: Hiện nay, 100% giáo viên phổ thông trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn theo Luật giáo dục năm 2009; theo Luật Giáo dục năm 2019 thì các trường còn 1.359/11.037 nhà giáo (TH 729 và THCS 617) cần nâng chuẩn theo quy định, tỉ lệ 12,3%.

- Giải pháp đã thực hiện: Thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT ngày 28/8/2020 của Bộ GD&ĐT về việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2020 - 2025), UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2021, 2022, 2023 và 2024¹³. Hiện nay, Sở GD&ĐT đang phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện, tuy nhiên còn gặp khó khăn do các huyện, thị xã, thành phố (trừ TX Chơn Thành) chưa bố trí được kinh phí.

¹² Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh về việc bổ sung biên chế viên chức (số lượng người làm việc) trong các đơn vị sự nghiệp ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2020-2021; Công văn số 504/UBND-KGVX ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh về một số khó khăn, vướng mắc và kiến nghị trong lĩnh vực Giáo dục của tỉnh Bình Phước; Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 17/8/2023 của UBND tỉnh về nhu cầu biên chế giáo viên của tỉnh Bình Phước năm học 2023-2024; Báo cáo số 203/BC-UBND ngày 26/5/2024 của UBND tỉnh về nhu cầu biên chế giáo viên của tỉnh Bình Phước năm học 2024-2025.

¹³ Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 06/11/2020; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 24/4/2022; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 27/02/2023 và Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh.

b) Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT

Theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo đề xuất nhu cầu đào tạo giáo viên; xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GV, góp phần triển khai thực hiện hiệu quả việc đổi mới CT, SGK GDPT, cụ thể:

- Về nhu cầu đào tạo giáo viên: Giai đoạn 2020-2022, nhu cầu đào tạo giáo viên trình độ đại học 1.415 người và giáo viên từ trung cấp, cao đẳng lên đại học 1.660 người¹⁴. Giai đoạn 2022-2025, nhu cầu đào tạo giáo viên dạy tiểu học 720 người và giáo viên các trình độ đại học còn lại 702 người¹⁵.

- Về đào tạo nâng cao trình độ: Trong giai đoạn 2015-2023 có 262 cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo nâng cao trình độ trên đại học (Tiến sĩ 07 người, Thạc sĩ 326 người); 144 người tham gia đào tạo Lý luận chính trị (Cao cấp lý luận chính trị 63 người, Trung cấp lý luận chính trị - hành chính 131 người); 1.478 người tự đi đào tạo trình độ đại học để đạt chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục.

- Về bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn:

+ Những nội dung bồi dưỡng, tập huấn Sở GD&ĐT đã thực hiện hoặc tham gia, tham mưu thực hiện:

Bồi dưỡng cốt cán, đại trà 09 mô đun về thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04/12/2019 của Bộ GD&ĐT: Năm 2020, 2022: có 10.764 CBQL, GV cấp TH, THCS, THPT đã tham gia và đạt chương trình bồi dưỡng cốt cán, đại trà mô đun 1, 2, 3; 766 giáo viên Tiếng Anh hoàn thành bồi dưỡng đại trà mô đun 1, 4. Năm 2023: có 10.170 CBQL, GV cấp TH, THCS, THPT đã tham gia và đạt chương trình bồi dưỡng đại trà mô đun 4, 5, 9. Năm 2024, 2025: dự tính có khoảng 11.369 CBQL, GV cấp TH, THCS, THPT tham gia và hoàn thành bồi dưỡng cốt cán, đại trà mô đun 6, 7, 8.

Bồi dưỡng sử dụng SGK theo Chương trình GDPT 2018: Sở GD&ĐT đã phối hợp với các Nhà xuất bản có SGK được chọn tổ chức bồi dưỡng CBQL, GV về sử dụng SGK lớp 1 từ năm học 2020-2021; SGK lớp 2, lớp 6 từ năm học 2021-2022; SGK lớp 3, lớp 7, lớp 10 từ năm học 2022-2023; SGK lớp 4, lớp 8, lớp 11 từ năm học 2023-2024 và SGK lớp 5, lớp 9, lớp 12 từ năm học 2024-2025. Kết quả: Toàn bộ giáo viên được phân công dạy lớp 1 đến lớp 12 đã tham gia và hoàn thành bồi dưỡng sử dụng SGK.

Bồi dưỡng giáo viên Tiếng Anh cấp TH, THCS, THPT theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia: Về bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ: năm 2014-2016, phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức bồi dưỡng 531 giáo viên; năm 2018-2021, phối hợp

¹⁴ Công văn số 688/UBND-KGVX ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh về đề xuất nhu cầu đào tạo giáo viên.

¹⁵ Công văn số 1106/UBND-KGVX ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh về đề xuất nhu cầu đào tạo giáo viên từ năm 2022 đến năm 2025.

với Trung tâm SEAMEO RETRACT tổ chức bồi dưỡng, kết quả có 78 giáo viên đạt trình độ B2 và 80 giáo viên được công nhận hoàn thành bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Về bồi dưỡng phương pháp giảng dạy môn Tiếng Anh: năm 2017-2019 tổ chức bồi dưỡng cho toàn bộ giáo viên Tiếng Anh của 3 cấp học; năm 2020 tổ chức bồi dưỡng cho toàn bộ giáo viên Tiếng Anh cấp THCS.

Tập huấn CBQL, GV về sử dụng ma trận, đặc tả bài kiểm tra định kì các môn học cấp THCS: Có 1.606 CBQL, GV cốt cán cấp THCS đã được Sở GD&ĐT tập huấn; sau đó các CB, GV này đã triển khai tập huấn lại cho toàn thể CB, GV tại đơn vị (năm 2022).

Tập huấn về điều chỉnh Chương trình môn Lịch sử cấp THPT trong Chương trình GDPT cho khoảng 165 giáo viên các trường THPT (năm 2022).

Tập huấn về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDTX cấp THCS, THPT và tập huấn xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra, đánh giá học viên cấp THPT cho khoảng 95 CBQL, GV các Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX và một số giáo viên của Trường Cao đẳng Bình Phước (năm 2022, 2023).

Tập huấn CBQL, GV cấp THPT về kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT: Có 851 CBQL, GV cốt cán cấp THPT đã được Sở GD&ĐT tập huấn; sau đó các CB, GV này đã triển khai tập huấn lại cho toàn thể CB, GV tại đơn vị (năm 2023).

Tập huấn nâng cao năng lực tổ chức dạy học môn Ngữ văn phát triển năng lực, phẩm chất học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) cấp THCS: Có 24 CBQL và GV môn Ngữ văn cấp THCS tại các trường PTDTNT đã được Sở GD&ĐT tập huấn (năm 2023).

+ Để đảm bảo giáo viên dạy các môn tích hợp ở cấp TH, THCS theo Chương trình GDPT 2018 có thể đảm nhận giảng dạy các phân môn của từng môn, Sở GD&ĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 31/7/2023 về thực hiện lộ trình bồi dưỡng giáo viên tiểu học dạy môn Tin học và Công nghệ; giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên, môn Lịch sử và Địa lí. Hiện nay, Sở GD&ĐT đang phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện, tuy nhiên còn gặp khó khăn do các huyện, thị xã, thành phố (trừ thị xã Chơn Thành) chưa bố trí được kinh phí.

IV. Việc đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

1. Thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và khả năng đáp ứng nhu cầu dạy, học

Nhìn chung, cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy, học, triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT. Nhiều phòng học khang trang, đồng bộ, công trình phụ trợ được đầu tư xây dựng từ nhiều nguồn. Các cơ sở giáo dục đã đẩy mạnh việc sắp xếp, tận dụng, sử dụng tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị sẵn có trong việc dạy học và các hoạt động của nhà trường; từng bước hiện đại hóa trang thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT theo lộ trình quy định.

a) Về cơ sở vật chất

Tính đến tháng 10/2024, toàn tỉnh có 267 trường phổ thông với tổng số 212.378 học sinh, chia ra:

- Cấp TH: Có 122 trường (công lập) với 103.726 học sinh, 3.365 lớp, 3.571 phòng học (2.957 phòng kiên cố, 605 phòng bán kiên cố, 09 phòng học tạm); 87 phòng học nhờ, mượn (38 phòng kiên cố, 25 phòng bán kiên cố, 24 phòng học tạm); tỉ lệ phòng học/lớp học là 1,09 (mục tiêu: 01 lớp/01 phòng học để học 2 buổi/ngày); 810 phòng phục vụ học tập; 111 phòng chức năng.

- Cấp THCS: Có 108 trường (công lập) với 73.496 học sinh, 1.889 lớp, 1.722 phòng học (1.664 phòng kiên cố, 49 phòng bán kiên cố, 09 phòng học nhờ, mượn), tỉ lệ phòng học/lớp học là 0,91 (bảo đảm tối thiểu 0,6 phòng học/lớp theo quy định); 520 phòng học bộ môn, 164 phòng phục vụ học tập; 238 phòng chức năng.

- Cấp THPT: Có 37 trường (công lập) với 35.156 học sinh, 893 lớp, 985 phòng học (957 phòng kiên cố, 28 phòng bán kiên cố); 17 phòng học nhờ, mượn (4 phòng kiên cố, 11 phòng bán kiên cố, 2 phòng học tạm); tỉ lệ phòng học/lớp học là 1,12 (bảo đảm tối thiểu 0,6 phòng học/lớp theo quy định); 175 phòng học bộ môn; 85 phòng phục vụ học tập; 99 phòng chức năng.

b) Khả năng đáp ứng về trang thiết bị dạy học

- Các trường đang sử dụng tối đa thiết bị dạy học hiện có, tuy nhiên tỉ lệ đáp ứng so với nhu cầu mới đạt khoảng 38,4%.

- Hiện nay đã thực hiện hiện mua sắm thiết bị dạy học để phục vụ Chương trình GDPT 2018 cho lớp 1 đạt tỉ lệ 100%; công tác mua sắm thiết bị cho các khối lớp còn lại thực hiện theo lộ trình, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Bình Phước có nhiều xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân các vùng này còn nhiều khó khăn; dân số luôn biến động, tỉ lệ dân số tăng cơ học cao, số dân di cư tự do từ các tỉnh miền Tây, các tỉnh phía Bắc vào định cư khá nhiều, vì vậy vẫn còn nhiều điểm trường nên việc đảm bảo cơ sở vật chất nói chung và thiết bị dạy học tối thiểu, thiết bị chuyên dùng nói riêng còn gặp nhiều khó khăn.

- Ở một số cơ sở giáo dục còn thiếu cơ sở vật chất (thiếu phòng học, phòng học bị xuống cấp, cần sửa chữa; thiếu phòng bộ môn). Tỉ lệ đáp ứng nhu cầu về thiết bị dạy học còn thấp; thiếu thiết bị dạy học phục vụ đổi mới CT, SGK GDPT ở hầu hết các khối lớp (trừ khối lớp 1).

- Việc triển khai thực hiện mua sắm thiết bị bằng vốn đầu tư công còn gặp khó khăn, cụ thể:

- + Chưa có hướng dẫn cơ cấu chi phí và quy trình thực hiện đầu tư thiết bị giáo dục theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành của Luật đầu tư công; đối với các thiết bị giáo dục không có

cầu phần xây dựng, cụ thể: Quy trình thực hiện, phương pháp tính chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác.

+ Chưa có đơn giá thiết bị dạy học tối thiểu theo các Thông tư ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu các cấp học¹⁶ của Bộ GD&ĐT.

+ Trên thị trường chưa có thiết bị tương tự để làm cơ sở tham khảo giá trong quá trình triển khai thực hiện mua sắm.

3. Các giải pháp đã thực hiện để khắc phục tình trạng còn thiếu cơ sở vật chất, thiết bị dạy học lớp 2 đến lớp 12 Chương trình GDPT 2018

- UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh bố trí nguồn vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 đối với Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới CT, SGK GDPT giai đoạn 2021-2025 với số vốn 360 tỉ đồng và giao Sở GD&ĐT làm chủ đầu tư. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, Sở GD&ĐT đã gặp một số khó khăn về việc thực hiện vốn đầu tư công như đã nêu trên. Hiện nay, do nguồn ngân sách của tỉnh đang gặp khó khăn nên dự án được đưa ra khỏi danh mục vốn đầu tư công trung hạn của tỉnh.

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản, báo cáo liên quan đến việc đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho việc đổi mới CT, SGK GDPT. Cụ thể:

+ Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 ban hành Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

+ Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 21/11/2019 về điều chỉnh, bổ sung triển khai nhiệm vụ Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân” trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2025, trong đó kinh phí xây dựng phòng học ngoại ngữ, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học ngoại ngữ cho các cơ sở giáo dục phổ thông 124,9 tỷ đồng. Hằng năm Sở GD&ĐT phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện mua sắm. Ngoài ra các huyện, thị xã, thành phố cũng thực hiện mua sắm bổ sung thiết bị dạy học từ nguồn vốn đã được phân cấp.

+ Kế hoạch số 377/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 với kinh phí 4.700 tỷ đồng.

+ Công văn số 3680/UBND-KGVX ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh về việc tăng cường đầu tư bổ sung cơ sở vật chất phục vụ chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia.

¹⁶ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS; Thông tư 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT.

Trong Công văn số 3680/UBND-KGVX, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường nguồn lực đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học với các giải pháp: Lồng ghép hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của ngành giáo dục và các chương trình, dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương; xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực GD&ĐT; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cấp học; huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp; đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, đảm bảo đúng quy định; thực hiện cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập, góp phần giải quyết nhu cầu về đầu tư cơ sở vật chất các trường học.

+ Văn bản gửi Bộ GD&ĐT về một số khó khăn, vướng mắc, kiến nghị trong lĩnh vực Giáo dục, trong đó đề nghị Bộ GD&ĐT có ý kiến đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hỗ trợ tỉnh Bình Phước xây dựng 1.154 phòng học, phòng chức năng với kinh phí khoảng 820 tỷ đồng; đầu tư hạ tầng CNTT, phục vụ học trực tuyến tại 133 trường phổ thông với kinh phí khoảng 426 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng bể bơi cho các trường THPT 34 tỷ đồng¹⁷.

+ Báo cáo đề nghị Bộ GD&ĐT và các Bộ, Ngành liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn cơ cấu chi phí và quy trình thực hiện đầu tư thiết bị giáo dục theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành của Luật đầu tư công; đối với các thiết bị giáo dục không có cấu phần xây dựng, cụ thể: quy trình thực hiện, phương pháp tính chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác; ban hành đơn giá thiết bị dạy học tối thiểu các cấp học theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp TH, Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS, Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT; ưu tiên hỗ trợ thiết bị dạy học cho tỉnh Bình Phước từ các Chương trình, dự án do Bộ quản lý¹⁸.

- Sở GD&ĐT đã thực hiện các nhiệm vụ sau để góp phần đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ đổi mới CT, SGK GDPT:

+ Chỉ đạo các cơ sở giáo dục sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện có, sau đó từng bước xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung, mua mới theo điều kiện thực tế tại địa phương; khuyến khích các trường tổ chức phong trào xây dựng thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm; tham gia cuộc thi xây dựng thiết bị dạy học số; tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục nhằm tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để thực hiện Chương trình GDPT 2018; ưu tiên

¹⁷ Công văn số 504/UBND-KGVX ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh.

¹⁸ Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 31/01/2023 và Báo cáo số 135/BC-UBND ngày 06/5/2023 của UBND tỉnh.

phòng học, phòng chức năng phục vụ các lớp triển khai Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình quy định.

+ Báo cáo UBND tỉnh về nhu cầu cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước để UBND tỉnh xem xét và có kế hoạch phân bổ với tổng nhu cầu khoảng 4.683 tỷ đồng, trong đó nhu cầu xây dựng phòng học khoảng 3.826 tỷ đồng và nhu cầu mua sắm, bổ sung trang thiết bị dạy học khoảng 857 tỷ đồng¹⁹.

+ Phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và GDPT giai đoạn 2021-2025 với nguồn vốn khoảng hơn 5.100 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng phòng học, phòng chức năng, mua sắm thiết bị... cho cấp TH, THCS, THPT phục vụ triển khai đổi mới CT, SGK GDPT²⁰. Kế hoạch đã được UBND tỉnh thông qua tại Thông báo kết luận 207/TB-UBND ngày 24/6/2022 về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp thông qua Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch đang xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy trước khi ban hành.

V. Công tác lựa chọn sách giáo khoa và biên soạn tài liệu giáo dục địa phương

1. Công tác lựa chọn sách giáo khoa

- Đối với việc lựa chọn SGK lớp 1 từ năm học 2020-2021: Sở GD&ĐT đã tham mưu UBND tỉnh ra Quyết định ban hành Bộ Tiêu chí lựa chọn SGK lớp 1; hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác lựa chọn, thành lập Hội đồng lựa chọn SGK lớp 1 của trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Đối với việc lựa chọn SGK lớp 2, 3, 4, 6, 7, 8, 10, 11: Sở GD&ĐT đã hướng dẫn các đơn vị thực hiện đề xuất lựa chọn SGK; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định Tiêu chí lựa chọn SGK, Quyết định thành lập các Hội đồng lựa chọn SGK cấp tỉnh; xây dựng, thực hiện kế hoạch hoạt động của các Hội đồng; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh mục SGK lớp 2, lớp 6 từ năm học 2021-2022; danh mục SGK lớp 3, lớp 7, lớp 10 từ năm học 2022-2023 và danh mục SGK lớp 4, lớp 8, lớp 11 từ năm học 2023-2024 sử dụng trên địa bàn tỉnh đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Sau khi có Quyết định phê duyệt danh mục SGK của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT đã ban hành văn bản thông báo đến các cơ sở giáo dục để lựa chọn bộ sách phù hợp sử dụng tại đơn vị và công khai danh mục SGK, thông báo cho học sinh, cha mẹ học sinh được biết.

¹⁹ Báo cáo số 782/BC-SGDĐT ngày 19/3/2021 của Sở GD&ĐT.

²⁰ Tờ trình số 1960/TTr-SGDĐT ngày 18/7/2022 của Sở GD&ĐT.

- Đối với việc lựa chọn SGK lớp 5, lớp 9, lớp 12: Sở GD&ĐT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định Tiêu chí lựa chọn SGK; hướng dẫn các đơn vị thực hiện lựa chọn SGK, thành lập Hội đồng lựa chọn SGK của trường, gửi kết quả lựa chọn SGK về Phòng GD&ĐT (đối với cấp TH, THCS), Sở GD&ĐT (đối với cấp THPT). Căn cứ kết quả lựa chọn SGK do các Phòng GD&ĐT và các cơ sở giáo dục trực thuộc gửi về, Sở GD&ĐT đã rà soát, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh mục SGK do các cơ sở giáo dục lựa chọn theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Sau khi có Quyết định phê duyệt danh mục SGK của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT đã ban hành văn bản thông báo đến các cơ sở giáo dục để thực hiện và công khai danh mục SGK, thông báo cho học sinh, cha mẹ học sinh được biết.

- Việc thực hiện xã hội hóa SGK: Các nhà xuất bản có SGK được chọn đã thực hiện tốt việc tặng SGK cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Một số cơ sở giáo dục đã thực hiện việc kêu gọi các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân hỗ trợ SGK cho đối tượng học sinh nghèo, mồ côi; phát động phong trào học sinh quyên góp, ủng hộ SGK về thư viện nhà trường (sau khi đã học xong); xây dựng tủ sách dùng chung đảm bảo tất cả học sinh đều có SGK để học tập.

- Việc phát hành SGK theo lộ trình đổi mới CT, SGK GDPT và các tài liệu tham khảo trên địa bàn tỉnh:

+ Việc phát hành SGK:

Sở GD&ĐT đã phối hợp với các công ty, nhà xuất bản có SGK được chọn thực hiện tốt việc cung ứng, phát hành SGK đến các cơ sở giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT²¹, đảm bảo 100% học sinh có SGK để học tập và giáo viên có sách để giảng dạy khi bước vào năm học mới.

Đối với năm học đầu tiên triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 ở các khối lớp: Để đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời SGK cho học sinh trước ngày khai giảng, tránh việc mua sách không rõ nguồn gốc, ngay khi có quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Danh mục SGK sử dụng trên địa bàn tỉnh, Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục đăng ký số lượng gửi về Sở GD&ĐT để chuyển tới Nhà xuất bản có kế hoạch in ấn, cung ứng trực tiếp đến các trường, sau đó các trường sẽ cung ứng đến phụ huynh học sinh.

Các năm học tiếp theo, phụ huynh học sinh có thể mua SGK tại các nhà sách tại địa phương hoặc đăng ký mua qua nhà trường, đơn vị phát hành.

+ Đối với tài liệu tham khảo: Các cơ sở giáo dục chủ động liên hệ với các công ty, nhà xuất bản để được cung ứng cho nhà trường theo nhu cầu; trường hợp giáo viên, học sinh có nhu cầu thì tự mua tại các nhà sách.

²¹ Công văn số 2058/BGDĐT-GDTH ngày 10/6/2020, Công văn số 367/BGDĐT-GDTH ngày 26/01/2021, Công văn số 503/BGDĐT-GDTH ngày 17/02/2022, Công văn số 458/BGDĐT-GDTH ngày 10/02/2023, Công văn số 3379/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2023 và Công văn số 689/BGDĐT-GDTH ngày 23/02/2024 của Bộ GD&ĐT.

Việc sử dụng SGK và sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục được thực hiện đúng theo Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ GD&ĐT về sử dụng SGK và sách tham khảo trong cơ sở GDPT và Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, GDPT và GDTX.

2. Việc xây dựng, biên soạn, thẩm định, in và phát hành tài liệu giáo dục của địa phương

Sở GD&ĐT đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương đúng theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT²²: tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch biên soạn; ban hành Quyết định thành lập Ban biên soạn; xây dựng đề cương tổng thể, đề cương chi tiết; thu thập tài liệu có liên quan; tổ chức biên soạn, hội thảo lấy ý kiến góp ý; tổ chức dạy thực nghiệm; tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; tổ chức họp thẩm định; tham mưu UBND tỉnh trình Bộ GD&ĐT phê duyệt tài liệu.

Hiện nay, tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 10, 11 đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt; Sở GD&ĐT đã cung cấp bản điện tử cho các cơ sở giáo dục sử dụng từ năm học 2020-2021 đối với Tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, từ năm học 2021-2022 đối với Tài liệu lớp 2, lớp 6; từ năm học 2022-2023 đối với Tài liệu lớp 3, lớp 7, lớp 10 và từ năm học 2023-2024 đối với Tài liệu lớp 4, lớp 8, lớp 11; tổ chức tập huấn và ban hành Công văn hướng dẫn triển khai tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá đối với tài liệu giáo dục địa phương.

Đối với tài liệu giáo dục địa phương lớp 5: Sở GD&ĐT đã hoàn tất các khâu biên soạn và đang chờ Bộ GD&ĐT ban hành quyết định phê duyệt.

Đối với tài liệu giáo dục địa phương lớp 9, lớp 12: Sở GD&ĐT đang chuẩn bị họp Hội đồng thẩm định (dự tính đầu tháng 11/2024), sau đó tham mưu UBND tỉnh trình Bộ GD&ĐT phê duyệt.

Sau khi được Bộ GD&ĐT phê duyệt Tài liệu lớp 5, lớp 9, lớp 12, Sở GD&ĐT sẽ tiếp tục tổ chức tập huấn, ban hành Công văn hướng dẫn triển khai tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá đối với tài liệu giáo dục địa phương.

Đối với việc in ấn, phát hành tài liệu giáo dục địa phương: Đến học kì I năm học 2024-2025, Sở GD&ĐT vẫn chưa thực hiện được do thiếu văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (*chưa có hướng dẫn về thủ tục pháp lý liên quan đến Luật xuất bản, Luật sở hữu trí tuệ, Luật đầu thầu để địa phương thực hiện in ấn, phát hành*

²² Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 của Bộ GD&ĐT về việc biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông; Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của bộ GD&ĐT về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021 và Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương.

tài liệu). Hiện nay, Sở GD&ĐT đang thực hiện các công việc để chuẩn bị in ấn các tài liệu cung ứng cho các cơ sở giáo dục theo hướng dẫn tại Công văn số 5889/BGDĐT-GDTH ngày 27/9/2024 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường công tác chỉ đạo về việc biên soạn, tổ chức dạy học, in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương.

VI. Kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT

1. Việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT: Đã được thực hiện từ năm 2015 theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Hàng năm, Sở GD&ĐT đều phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT. Từ năm 2015 đến năm 2024, tổng kinh phí bố trí cho việc đảm bảo các điều kiện thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT là: 5.365,3 đồng²³, trong đó:

- Kinh phí cho xây dựng, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương giai đoạn 2020-2024: 8,1 tỷ đồng.

- Kinh phí cho việc thực hiện lựa chọn SGK theo Chương trình GDPT 2018 giai đoạn 2021-2024: 5,0 tỷ đồng.

- Kinh phí bồi dưỡng, tập huấn CBQL, GV: 75,8 tỷ đồng (*bồi dưỡng, tập huấn về đổi mới CT, SGK GDPT các môn thực hiện trong giai đoạn 2020-2024; giai đoạn 2017-2019 là bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên Tiếng Anh*)

- Kinh phí thực hiện đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình GDPT giai đoạn 2015-2024 trên địa bàn tỉnh: 5.276,4 tỷ đồng.

2. Về ngân sách đầu tư từ các chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ cho việc đổi mới CT, SGK GDPT:

- Giai đoạn 2016-2020: Kinh phí Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn (theo Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn tỉnh là 51,082 tỷ đồng²⁴ (trong đó ngân sách Trung ương 46,876 tỷ đồng, ngân sách địa phương 4,206 tỷ đồng).

- Giai đoạn 2021-2025: Tiểu dự án 1 - Dự án 5 Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) được bố trí 42,858 tỷ đồng (*ngân sách Trung ương 37,268 tỷ đồng, ngân sách địa phương 5,590 tỷ đồng*), trong đó năm 2022 bố trí

²³ Số liệu từ Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và tổng hợp số liệu năm 2023, 2024 của Sở GD&ĐT.

²⁴ Theo Báo cáo số 318/BC-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh về việc sơ kết việc triển khai thực hiện Đề án 1436 giai đoạn I (2017-2020) và tổng kết Chương trình 775 giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7,379 tỷ đồng (*ngân sách Trung ương 6,708 tỷ đồng, ngân sách địa phương 0,671 tỷ đồng*) tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh; năm 2023 bố trí 8,690 tỷ đồng (*ngân sách Trung ương 7,900 tỷ đồng, ngân sách địa phương 0,790 tỷ đồng*) tại Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh²⁵.

Việc thực hiện quy định về ưu tiên hỗ trợ đầu tư kinh phí cho các địa phương miền núi, vùng đồng bào DTTS, vùng có điều kiện KT-XH khó khăn, đặc biệt khó khăn giúp nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học; giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến trường; giảm khoảng cách vùng, miền trong cả nước, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng, Nhà nước.

3. Về kinh phí huy động từ nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng và kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2013-2023, góp phần đảm bảo điều kiện triển khai đổi mới CT, SGK GDPT:

- Tổng kinh phí đầu tư của các dự án: 232,9 tỷ đồng (có 35 dự án được cấp phép và hoạt động; 73 trường với 398 lớp, 325 phòng học, 9 phòng công vụ cho giáo viên được đầu tư xây dựng; diện tích đất đã bố trí cho các cơ sở giáo dục từ nguồn xã hội hóa 106.782 m²).

- Tỷ lệ kiên cố hóa trường, lớp học tăng từ nguồn huy động xã hội hóa là 4%; tỷ lệ kiên cố hóa nhà công vụ cho giáo viên tăng từ nguồn huy động xã hội hóa là 2%.

4. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh phổ thông để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP với mức 150.000 đồng/học sinh/tháng; theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP với mức 100.000 đồng/học sinh/tháng, không quá 9 tháng/1 năm học: Giai đoạn 2018-2024, tỉnh đã hỗ trợ chi phí học tập cho 18.853 học sinh TH, THCS, THPT với số tiền 59,25 tỷ đồng²⁶.

VII. Công tác thanh tra, kiểm tra

Công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT được tích hợp trong các đợt kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ đầu năm học; kiểm tra, thanh tra công tác quản lý chuyên môn của Sở GD&ĐT. Tại các Phòng GD&ĐT, các cơ sở giáo dục, công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch. Kết quả: đã góp phần hỗ trợ, tư vấn,

²⁵ Theo Công văn số 1064/SKHĐT-ĐT ngày 04/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Báo cáo bổ sung việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (lần 2).

²⁶ Theo Báo cáo số 3081/BC-SGDĐT ngày 28/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc bổ sung về tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và số liệu tổng hợp năm 2022, 2023, 2024 của Sở GD&ĐT.

hướng dẫn CBQL, GV các trường thực hiện tốt hơn việc đổi mới chương trình, SGK GDPT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Phần thứ 3

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. Việc tổ chức triển khai thực hiện CT, SGK GDPT mới

Sở GD&ĐT đã chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện các nhiệm vụ chính sau để triển khai đổi mới CT, SGK GDPT theo các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ GD&ĐT:

1. Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường

Kế hoạch giáo dục nhà trường là kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành²⁷. Nội dung chính của Kế hoạch gồm: căn cứ xây dựng Kế hoạch; các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường tác động đến việc xây dựng Kế hoạch; các mục tiêu, chỉ tiêu về chất lượng giáo dục; các kế hoạch dạy học, giáo dục có liên quan nhằm triển khai thực hiện CT, SGK; các kế hoạch huy động, bố trí, sử dụng các nguồn lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch. Kế hoạch giáo dục nhà trường phải đảm bảo bám sát mục tiêu chương trình GDPT, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện của từng trường.

Đối với cấp Tiểu học: Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT.

Đối với cấp THCS, THPT: Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT; các phụ lục kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án).

Các cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường kịp thời và phù hợp với tình hình của địa phương, của nhà trường, bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới CT, SGK và luôn chủ động ứng phó với tình hình dịch bệnh; triển khai và chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình, phù hợp với tình hình thực tế. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên, Hiệu trưởng các trường đã phân công giáo viên dạy học các

²⁷ Theo Điều 17, Điều 19 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học.

nội dung của chương trình phù hợp với năng lực chuyên môn. Việc xây dựng thời khóa biểu được thực hiện linh hoạt, sáng tạo, đảm bảo thực hiện chương trình theo kế hoạch.

Việc dạy học môn tích hợp ở cấp THCS (môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí) và lựa chọn tổ hợp môn ở cấp THPT, nhìn chung đến thời điểm hiện nay các cơ sở giáo dục đã khắc phục khó khăn để hoàn thành kế hoạch giáo dục của nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học. Tuy nhiên, trong những năm tới giáo viên cần được đào tạo, bồi dưỡng để có thể dạy được các phân môn ở từng môn tích hợp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các bộ môn này.

Việc tổ chức cho học sinh cấp THPT lựa chọn, chuyển đổi tổ hợp môn và cụm chuyên đề học tập đã được Sở GD&ĐT hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT²⁸. Trong quá trình thực hiện, bước đầu còn bỡ ngỡ đối với các trường THPT và công tác chuẩn bị đối học sinh lớp 9, nhưng qua hơn 02 năm triển khai thực hiện, đến nay cơ bản đã ổn định. Cuối học kỳ 2 của mỗi năm học, Sở GD&ĐT chỉ đạo tất cả các trường THPT phải phối hợp với các trường THCS trên địa bàn tuyển sinh để tổ chức tư vấn về các nguyện vọng, chọn môn cho học sinh khi học THPT.

Tại các cơ sở giáo dục có cấp Tiểu học, đa số các trường đều tổ chức dạy, học tối thiểu 9 buổi/tuần, 32 tiết/tuần.

2. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học

Trong các văn bản của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, giáo dục trung học và giáo dục thường xuyên đầu năm học cũng như trong các đợt tập huấn, bồi dưỡng, kiểm tra, tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở giáo dục; vấn đề đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục mà trọng tâm là chuyển từ “truyền thụ kiến thức” sang “phát triển phẩm chất, năng lực học sinh” luôn được chú trọng thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Hầu hết giáo viên đã xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo các yêu cầu về phương pháp, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh. Chú trọng đẩy mạnh ứng dụng CNTT, khai thác hiệu quả các phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, đồ dùng dạy học tự làm và các học liệu điện tử giúp học sinh dễ nhớ, dễ hiểu và có thể

²⁸ Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Công văn số 6027/BGDĐT-GDTrH ngày 15/11/2022 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và chuyển đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập trong Chương trình GDTrH cấp THPT; Công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày 06/01/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn chuyển đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập cấp trung học phổ thông.

vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong bài học và trong cuộc sống.

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã tạo môi trường sư phạm thân thiện, dân chủ, hợp tác giữa các thành viên trong lớp học, nhà trường và cộng đồng nhằm phát triển các phẩm chất, năng lực người học. Với phương pháp dạy học mới giúp học sinh được phát huy vai trò chủ thể của quá trình học tập, biết cách học; chủ động, tự tin tương tác, giao tiếp với giáo viên và bạn bè; biết tương trợ nhau trong học tập để cùng tiến bộ. Ngoài ra, khi đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh còn giúp nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc giáo dục con cái.

3. Thực hiện đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các trường thực hiện xây dựng kế hoạch và tổ chức ra đề, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phải phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường và tình hình thực tế của đơn vị, đồng thời phải đảm bảo yêu cầu cần đạt theo từng môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm bài kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá phải phản ánh khách quan, chính xác, công bằng, trung thực, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Các cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT; thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ theo quy định; khuyến khích các tổ chuyên môn xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học luôn đảm bảo yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh. Hầu hết giáo viên đã vận dụng các hình thức, phương pháp, kỹ thuật, công cụ kiểm tra, đánh giá một cách linh hoạt để phát huy phẩm chất, năng lực học sinh. Việc đánh giá, xếp loại, khen thưởng học sinh được thực hiện đúng theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

- Về hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá:

+ Ở cấp THCS, THPT: Hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT (việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua hình thức hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập; hình thức kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính, bài thực hành, dự án học tập).

+ Ở cấp Tiểu học: Hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về đánh giá học sinh tiểu học (giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên như: phương pháp quan sát, phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh, phương pháp vấn đáp, phương pháp kiểm tra viết; hình thức kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện thông qua bài kiểm tra trên giấy).

4. Thực hiện đổi mới về quản trị các cơ sở giáo dục

Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố đã hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện tốt việc được giao quyền tự chủ trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, trong đó các hoạt động giáo dục được tổ chức thực hiện linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra của cấp trên phải dựa trên kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Tập trung đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của cơ sở giáo dục.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo. Tiếp tục thực hiện đúng các quy định về các loại hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo theo quy định, trong đó không được lạm dụng vị trí công tác của mình để thực hiện hoặc tham gia ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật về GD&ĐT.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục; chủ động tham mưu với chính quyền địa phương có chính sách huy động các nguồn lực xã hội hóa để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

- Khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ CBQL, GV, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

II. Kết quả thực hiện CT, SGK GDPT mới từ năm học 2020 - 2021 đến nay

Mặc dù các năm học vừa qua còn khá nhiều khó khăn về đội ngũ CBQL, GV, NV; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; kinh phí và một số năm bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng với sự nỗ lực, cố gắng của các cơ sở giáo dục cấp Tiểu học,

THCS, THPT đã giúp cho việc triển khai Chương trình GDPT 2018 bước đầu đạt được kết quả khá khả quan: chất lượng giáo dục đại trà luôn được duy trì và nâng cao qua từng năm học; học sinh cơ bản đã đạt được mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018; Chương trình GDPT 2018 đã giúp học sinh và giáo viên năng động, sáng tạo hơn; cha mẹ học sinh đồng lòng ủng hộ, tạo được niềm tin trong nhân dân.

Kết quả cụ thể qua từng năm học theo lộ trình đổi mới CT, SGK GDPT từ năm học 2020-2021 đến năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

1. Cấp Tiểu học:

Năm học	Lớp	Số HS	Tỉ lệ HS TH hoàn thành chương trình lớp học (%)				Tỉ lệ HS chưa hoàn thành chương trình lớp học (%)	Tỉ lệ HS TH được khen thưởng (%)
			Tổng	Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành		
2020-2021	1	21.634	96,9	34,2	13,4	49,3	3,1	48,0
2021-2022	1, 2	41.741	95,7	32,9	13,9	48,9	4,3	44,3
2022-2023	1, 2, 3	63.025	98,5	32,7	16,4	49,4	1,5	48,1
2023-2024	1, 2, 3, 4	83.245	99,0	32,3	16,7	49,9	1,0	50,2

2. Cấp THCS:

Năm học	Lớp	Số HS	Kết quả xếp loại học tập (tính theo tỉ lệ % HS)					Tỉ lệ HS THCS được khen thưởng (%)
			Tỉ lệ HS xếp loại Đạt trở lên	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
2021-2022	6	15.725	95,3	21,8	28,7	44,8	4,7	22,7
2022-2023	6, 7	33.754	96,0	22,6	30,9	42,5	4,0	22,4
2023-2024	6, 7, 8	54.575	96,6	25,6	30,5	40,5	3,4	24,1
Năm học	Lớp	Số HS	Kết quả xếp loại rèn luyện (tính theo tỉ lệ % HS)					Tỉ lệ HS được khen thưởng xét chung cả kết quả
			Tỉ lệ HS xếp loại Đạt trở lên	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	

2021-2022	6	15.725	99,5	74,4	20,5	4,6	0,5	học tập và rèn luyện
2022-2023	6, 7	33.754	99,6	77,6	18,5	3,4	0,4	
2023-2024	6, 7, 8	54.575	99,7	78,0	17,9	3,8	0,3	

3. Cấp THPT hệ GDPT:

Năm học	Lớp	Số HS	Kết quả xếp loại học tập (tính theo tỉ lệ % HS)					Tỉ lệ HS THPT được khen thưởng (%)
			Tỉ lệ HS xếp loại Đạt trở lên	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
2022-2023	10	11.387	97,4	24,6	37,1	35,8	2,6	22,4
2023-2024	10, 11	22.618	98,7	32,9	38,0	27,8	1,3	30,1
Năm học	Lớp	Số HS	Kết quả xếp loại rèn luyện (tính theo tỉ lệ % HS)					Tỉ lệ HS được khen thưởng xét chung cả kết quả học tập và rèn luyện
			Tỉ lệ HS xếp loại Đạt trở lên	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
2022-2023	10	11.387	99,4	83,4	11,9	4,0	0,6	
2023-2024	10, 11	22.618	99,8	85,7	10,6	3,5	0,2	

4. Cấp THPT hệ GDTX:

Năm học	Lớp	Số HS	Kết quả xếp loại học tập (tính theo tỉ lệ % HS)					Tỉ lệ HS THPT GDTX được khen thưởng (%)
			Tỉ lệ HS xếp loại Đạt trở lên	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
2022-2023	10	1.306	92,8	1,6	24,3	66,8	7,2	2,0
2023-2024	10, 11	2.592	93,5	1,7	28,4	63,3	6,5	3,1
Năm học	Lớp	Số HS	Kết quả xếp loại rèn luyện (tính theo tỉ lệ % HS)					Tỉ lệ HS được khen thưởng xét chung cả
			Tỉ lệ HS xếp loại Đạt trở lên	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	

2022-2023	10	1.306	98,6	56,3	31,7	10,6	1,4	kết quả học tập và rèn luyện
2023-2024	10, 11	2.592	99,0	61,8	29,4	7,9	1,0	

Phần thứ 4 **ĐÁNH GIÁ CHUNG**

I. Kết quả bước đầu, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

1. Kết quả bước đầu

UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới CT, SGK GDPT và kế hoạch thực hiện Chương trình GDPT theo chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ GD&ĐT. Nhờ vậy, đã giúp các địa phương, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh luôn chủ động trong việc chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT đúng lộ trình quy định, mặc dù năm học vừa qua gặp nhiều khó khăn nhưng bước đầu vẫn đạt kết quả khả quan.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ triển khai đổi mới CT, SGK GDPT còn thiếu khá nhiều, nhất là các trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mặt khác còn bị hư hỏng, xuống cấp. Nhiều trường tiểu học không đủ phòng học cho việc tổ chức dạy học 2 buổi; một số trường có phòng học nhỏ, số lượng bàn ghế đủ cho nhu cầu học tập các bộ môn văn hóa nhưng chưa đủ và chưa phù hợp với hình thức dạy học theo nhóm, dạy học các tiết thực hành. Một số địa phương chưa trang bị đủ thiết bị dạy học cho các điểm trường (các thiết bị dạy học, máy chiếu, ti vi, mạng internet...) nên việc triển khai các hình thức, phương pháp dạy học ứng dụng công nghệ thông tin, học liệu điện tử chưa đồng bộ. Các phòng chức năng của một số trường còn thiếu hoặc chưa đảm bảo diện tích, thiếu dụng cụ, thiết bị; chưa có nhà đa năng nên việc tập luyện, vui chơi của học sinh còn gặp khó khăn, đặc biệt là vào mùa mưa. Công tác mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ việc triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 2 đến lớp 12 đến thời điểm này vẫn chưa thể thực hiện nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng dạy, học.

- Các cơ sở giáo dục được hình thành từ nguồn huy động xã hội hóa mới chỉ có ở bậc học mầm non. Mặc dù tỉnh đã ban hành một số văn bản quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư; về chỉ đạo huy động xã hội hóa²⁹, tuy nhiên chưa thu hút được dự án lớn đầu tư phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập theo hình thức xã hội hóa, không có cơ sở giáo dục phổ thông, đại học ngoài công lập với quy mô lớn và chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

²⁹ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/3/2022, Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 13/3/2020, Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 và Quyết định số 1883/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh.

- Đội ngũ giáo viên của các trường phổ thông chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập để phục vụ cho việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018. Cụ thể năm học 2023-2024, trên địa bàn tỉnh có tỉ lệ giáo viên/lớp như sau: TH 1,42 giáo viên/lớp, THCS 1,89 giáo viên/lớp, THPT 2,22 giáo viên/lớp (theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, tỉ lệ bậc Tiểu học là 1,5 giáo viên/lớp, THCS 1,9 giáo viên/lớp, THPT 2,25 giáo viên/lớp, PTDTNT THCS 2,2 giáo viên/lớp, PTDTNT THPT 2,4 giáo viên/lớp, trường chuyên 3,1 giáo viên/lớp).

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 52 trường liên cấp (TH&THCS, THCS&THPT) nên đội ngũ Ban Giám hiệu phải quản lý 02 cấp học. Các trường PTDTNT, trường THPT chuyên ngoài việc phải thực hiện các nhiệm vụ như các trường THCS, THPT theo quy định tại Điều lệ trường trung học còn phải thực hiện thêm các nhiệm vụ đặc thù theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt và nhiệm vụ quản lý hoạt động tự học, hoạt động nội trú của học sinh. Tuy nhiên theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thì mỗi đơn vị chỉ được bố trí không quá 02 Phó Hiệu trưởng, sẽ rất khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

- Môn Khoa học tự nhiên cấp THCS chưa có giáo viên đủ trình độ chuyên môn để dạy cả ba phân môn nên nhiều đơn vị còn gặp khó khăn, lúng túng khi phân công giáo viên, xếp thời khóa biểu, thực hiện chương trình. Mặc dù UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch bồi dưỡng các môn tích hợp, trong đó có môn Khoa học tự nhiên, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa thực hiện được do UBND các huyện (trừ Thị xã Chơn Thành) chưa bố trí được kinh phí.

- Việc tổ chức bồi dưỡng CBQL, GV đại trà các mô đun về thực hiện Chương trình GDPT 2018 còn chậm do công tác đầu thầu phải thực hiện qua nhiều thủ tục và do số lượng CBQL, GV nhiều, phải bồi dưỡng bằng hình thức trực tuyến nên phần nào ảnh hưởng đến kết quả bồi dưỡng.

- Chương trình GDPT 2018 được hướng dẫn giảng dạy theo hướng mở, giao quyền chủ động cho nhà trường trong việc thực hiện chương trình. Tuy nhiên, việc thực hiện chủ động, linh hoạt cũng là một trong số những khó khăn do giáo viên quen với việc thực hiện theo khuôn mẫu. Ban Giám hiệu một số trường chưa có kinh nghiệm, còn lúng túng khi xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Về kết quả đánh giá, xếp loại học sinh từ năm học 2020-2021 đến năm học 2023-2024 theo lộ trình đổi mới CT, SGK GDPT: Tỉ lệ học sinh Tiểu học chưa hoàn thành chương trình lớp học và tỉ lệ học sinh cấp THCS, THPT có kết quả xếp loại học tập, rèn luyện chưa đạt mặc dù có giảm nhưng vẫn còn.

II. Nguyên nhân của những kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế

1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

- Có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT kịp thời của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và các Bộ, ngành liên quan.

- Có sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh; sự quan tâm, hỗ trợ của các đoàn thể, các lực lượng xã hội, cha mẹ học sinh trong triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT. Đội ngũ CBQL, GV hầu hết đạt chuẩn, trên chuẩn, được bồi dưỡng về thực hiện CT, SGK GDPT, luôn đồng lòng, trách nhiệm, kỷ cương, tâm huyết với nghề. Đa số học sinh ngoan ngoãn, biết vâng lời, kính trọng thầy cô, người lớn, đoàn kết với bạn bè...

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Do số trường học trên địa bàn tỉnh nhiều trong khi nguồn kinh phí còn hạn chế nên việc đầu tư kinh phí, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học của tỉnh, huyện chưa đủ đáp ứng nhu cầu thực tế tại các đơn vị.

- Trong công tác xã hội hóa giáo dục và thu hút đầu tư còn gặp nhiều khó khăn về chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục:

- + Hiện nay, có một số nhà đầu tư đề xuất thuê quỹ đất công của tỉnh để đầu tư các dự án trong lĩnh vực GD&ĐT. Tuy nhiên, chính sách pháp luật về đầu tư, đất đai chưa được rõ ràng, chưa đồng bộ; còn nhiều quan điểm khác nhau về giải quyết thủ tục lựa chọn nhà đầu tư (đấu giá, đấu thầu hay chỉ định nhà đầu tư); do vậy tỉnh chưa thực hiện tiếp nhận dự án.

- + Tại khoản 7, Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định: Đối với dự án lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa: Căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành quy định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án; phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các nội dung khác (nếu có), bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, đến nay các cơ quan Trung ương vẫn chưa ban hành các văn bản quy định này nên địa phương gặp nhiều khó khăn trong thực hiện.

- + Thủ tục thành lập trường tư thục theo quy định tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục có vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục đất đai theo Luật đất đai 2013 (về chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục). Khi các nhà đầu tư về lĩnh vực giáo dục thuê mướn đất để xây dựng trường học nhưng chủ đất không đồng ý chuyển đổi qua đất giáo dục dẫn đến thủ tục thành lập trường không hoàn thiện.

- Sở GD&ĐT chưa thực hiện được việc mua sắm thiết bị dạy học cho lớp 2 đến lớp 12 Chương trình GDPT 2018 là do thiếu các văn bản hướng dẫn như đã nêu tại nội dung 2, Mục IV, Phần B của Báo cáo này.

- Việc thiếu chỉ tiêu biên chế giáo viên theo quy định: Đội ngũ giáo viên của tỉnh còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ, cùng với việc thực hiện kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia và Chương trình GDPT 2018 nên phải cần định mức giáo viên/lớp cao hơn, trong khi đó tỉnh vẫn phải thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo quy định chung nên tình trạng thiếu giáo viên còn xảy ra ở nhiều nơi. Việc giảm biên chế/năm như hiện nay còn mang tính cào bằng, cơ học, chưa phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương.

- Ở cấp THCS còn gặp khó khăn đối với môn Khoa học tự nhiên là do giáo viên chỉ được đào tạo một hoặc hai phân môn theo chuyên ngành đào tạo trước đây nên trước mắt chưa thể có giáo viên có đủ trình độ để dạy được cả 3 phân môn của môn học này.

- Việc bồi dưỡng đại trà các mô đun về thực hiện Chương trình GDPT 2018 và bồi dưỡng sử dụng SGK: Do số lượng CBQL, GV tham gia nhiều, có thời gian ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 phải bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến nên một số giáo viên chưa hiểu kỹ các nội dung bồi dưỡng, dẫn đến còn lúng túng trong quá trình giảng dạy, chưa thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá để phát huy phẩm chất, năng lực học sinh.

- Năm học 2021-2022, do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên 2/3 thời gian các em phải học trực tuyến; công tác giảng dạy, kiểm tra, đánh giá của giáo viên gặp nhiều khó khăn. Một số học sinh học còn chậm, chưa có thói quen, ý thức tự học và thiếu sự kèm cặp, đôn đốc từ cha mẹ.

III. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội

1. Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện và Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới CT, SGK GDPT kịp thời để phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT 2018; thực hiện tốt công tác rà soát, tham mưu đảm bảo các điều kiện cho việc triển khai thực hiện Chương trình.

3. Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện đổi mới CT, SGK, xác định rõ trọng tâm, trọng điểm nội dung tuyên truyền theo lộ trình của Chương trình GDPT 2018.

4. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học. Xây dựng tốt kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên.

5. Cần tập trung chỉ đạo thống nhất từ các cấp quản lý đến tổ chuyên môn và giáo viên, trao đổi thảo luận những khó khăn vướng mắc để cùng tìm giải pháp thực hiện; xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp, sát với thực tiễn;

chú trọng rèn cho học sinh các kỹ năng tự học, tự đọc sách giáo khoa, tự giác học tập và chuẩn bị bài để tiếp cận bài học hiệu quả.

6. Để đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá mang lại hiệu quả cần có một môi trường làm việc tốt về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, nhất là hạ tầng internet cho cán bộ, giáo viên tự học, tự nghiên cứu. Có cơ chế chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho giáo viên để tạo động lực sáng tạo, tâm huyết và gắn bó với nghề.

Phần thứ năm

NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI, GIẢI PHÁP, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Nhiệm vụ thời gian tới

1. Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT theo lộ trình quy định (từ năm học 2024-2025, triển khai thực hiện CT, SGK GDPT mới ở tất cả các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 12); chuẩn bị cho việc tổng kết thực hiện triển khai Chương trình GDPT 2018 giai đoạn 2020-2025 trong năm học 2024-2025 theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 2457/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2024 về việc thông báo kết quả đánh giá giữa kì việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

2. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện đổi mới CT, SGK GDPT theo Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

II. Giải pháp

Để khắc phục những khó khăn và tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết của Quốc hội về việc đổi mới CT, SGK GDPT, trong thời gian tới cần thực hiện những giải pháp sau:

1. Nhóm giải pháp về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật

Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến đổi mới CT, SGK, đối chiếu với việc thực hiện trong thực tiễn để có kiến nghị xây dựng, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước và triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương, đơn vị rà soát, sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, nhằm tiếp tục sắp xếp tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp Giáo dục trên địa bàn, tinh giản

những chức danh chưa thật sự cần thiết; đẩy mạnh công tác tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập, sử dụng biên chế tiết kiệm được bổ sung cho biên chế giáo viên.

- Tiếp tục triển khai cho các địa phương, đơn vị thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế.

- Tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời; tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo và thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra đề kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc; đồng thời hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả CT, SGK GDPT 2018, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng biên giới, dân tộc thiểu số.

3. Nhóm giải pháp về đầu tư nguồn lực cho công tác bảo đảm chất lượng GDPT (con người, tài chính, cơ sở vật chất...)

a) Về con người

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát thực trạng nhu cầu biên chế phục vụ cho công tác giảng dạy Chương trình GDPT 2018; rà soát, điều chuyển biên chế thừa, thiếu cục bộ giữa các địa phương, đơn vị trên địa bàn; báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT đề xuất bổ sung biên chế để các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV; Kế hoạch nâng chuẩn cho đội ngũ nhà giáo theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy Chương trình GDPT 2018.

- Tăng cường xúc tiến, tạo môi trường thuận lợi để kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư cho giáo dục trên địa bàn, góp phần giảm gánh nặng về biên chế giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập.

b) Về tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tập trung nguồn lực, lồng ghép các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, đề án về đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho Chương trình GDPT 2018; ưu tiên, quan tâm đầu tư nhiều hơn cho các vùng khó khăn, vùng biên giới, dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục bố trí đầy đủ kinh phí cho việc thực hiện các nhiệm vụ khác trong Kế hoạch thực hiện Chương trình GDPT 2018 (kinh phí in ấn tài liệu giáo dục địa phương; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng CBQL, GV...).

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội hóa tại các cơ sở giáo dục để có thêm nguồn lực thực hiện việc nâng cấp, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học.

III. Đề xuất, kiến nghị³⁰

1. Để thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong lĩnh vực GD&ĐT, UBND tỉnh Bình Phước đã kiến nghị với Quốc hội và Chính phủ như sau:

- Kiến nghị đối với Quốc hội: Các dự án xã hội hóa trong lĩnh vực GD&ĐT thường có vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn chậm; do vậy cần tạo điều kiện tốt nhất cho nhà đầu tư tiếp cận quỹ đất công để thực hiện dự án, nhằm giảm chi phí về đất đai trong cơ cấu tổng vốn đầu tư của dự án. Đề nghị Quốc hội ban hành, sửa đổi các quy định của pháp luật liên quan đến đầu tư, đất đai về xã hội hóa, trong đó quy định rõ: Đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa thì được Nhà nước cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

- Kiến nghị đối với Chính phủ: Ban hành quy định về lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án; phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các nội dung khác để có cơ sở cho địa phương thực hiện thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, nhằm bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo quy định. Chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan ban hành hướng dẫn cụ thể về thủ tục đất đai đối với hộ, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thuê đất của cá nhân để xây dựng trường học.

2. Các kiến nghị khác đối với Chính phủ, Bộ, cơ quan Trung ương

a) Đối với Chính phủ

- Đề nghị không thực hiện tinh giản biên chế theo hình thức cào bằng, cơ học hàng năm đối với tất cả các địa phương.

- Điều chỉnh Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng các trường TH&THCS, THCS&THPT; trường PTDTNT, trường THPT chuyên được bố trí không quá 03 phó hiệu trưởng.

- Có chế độ ưu tiên đối với học sinh vùng đặc biệt khó khăn trong việc sử dụng sách giáo khoa mới với giá thành rẻ hoặc cấp miễn phí.

b) Đối các Bộ, cơ quan Trung ương

- Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT quan tâm, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung cho tỉnh Bình Phước 2.313 biên chế sự nghiệp giáo dục (*theo Báo cáo số 203/BC-UBND ngày 26/5/2024 của UBND tỉnh về nhu cầu biên chế giáo viên của tỉnh Bình Phước năm học 2024-2025*).

³⁰ Các kiến nghị này đã được UBND tỉnh Bình Phước nêu tại Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 31/01/2023 về tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Báo cáo số 135/BC-UBND tỉnh ngày 06/5/2023 về bổ sung tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Đề nghị Bộ GD&ĐT và các Bộ, Ngành liên quan Ban hành Thông tư hướng dẫn cơ cấu chi phí và quy trình thực hiện đầu tư thiết bị giáo dục theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành của Luật đầu tư công; đối với các thiết bị giáo dục không có cấu phần xây dựng, cụ thể: quy trình thực hiện, phương pháp tính chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn và chi phí khác; ban hành đơn giá thiết bị dạy học tối thiểu các cấp học theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS, Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT; ưu tiên hỗ trợ thiết bị dạy học cho tỉnh Bình Phước từ các Chương trình, dự án do Bộ quản lý.

- Đề nghị Bộ GD&ĐT phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quan tâm, hỗ trợ nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

UBND tỉnh Bình Phước trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Quốc hội, Chính phủ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Các Bộ: GD&ĐT, KH&ĐT, TC, NV;
- TTTU, TT HĐND tỉnh, BTT UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, PVX (Nga.676/24).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh